

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ TRANG TRẠI Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HOÁ

PHẠM VĂN VANG*

Trong lịch sử phát triển của nền nông nghiệp thế giới cũng như ở Việt nam, đã từng tồn tại và phát triển một hình thức sản xuất mang tính chất tập trung, trên một quy mô ruộng đất lớn nhất định, nhằm sản xuất ra một khối lượng nông phẩm nhiều hơn so với hình thức sản xuất truyền thống, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu của thị trường. Hình thức tổ chức sản xuất đó được gọi là “*trang trại*” hay “*nông trại*”. Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường hiện đại, “*trang trại*” hay “*nông trại*” càng chứng tỏ hơn những ưu thế của nó nên được chú trọng phát triển mạnh mẽ, đáp ứng nhiều nhu cầu của thị trường, của đời sống kinh tế - xã hội và đem lại hiệu quả sản xuất cao.

I. TRANG TRẠI - HÌNH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN CỦA NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI.

Tuy trang trại ra đời rất sớm ở nước ta, nhưng khái niệm và nhận dạng đầy đủ về trang trại và kinh tế trang trại còn nhiều ý kiến khác nhau. Theo chúng tôi, trang trại là một hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản) được tiến hành trên một quy mô tương đối lớn nhằm sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa là chủ yếu và luôn gắn với thị trường, vì thế sản xuất đem lại hiệu quả cao hơn kinh tế hộ gia đình.

Để nhận dạng hình thức kinh tế trang trại cần dựa trên các tiêu chí sau⁽¹⁾:

- Mục đích sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận để vươn tới mức sống vật chất, tinh thần cao hơn mức sống bình thường của kinh tế hộ gia đình.
- Quy mô diện tích canh tác lớn gấp nhiều lần mức bình quân diện tích của hộ cùng loại trong vùng và có hình thức tổ chức kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế - xã hội.

* TS. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

- Ngoài lao động gia đình mang tính huyết thống, còn thuê lao động dưới hình thức có quy hoạch và đầu tư xây dựng phù hợp với mục tiêu kinh doanh lâu dài.

Trang trại hiện nay có nhiều hình thức phát triển đa dạng, nhưng hình thức trang trại gia đình vẫn là chủ yếu và phù hợp. Trên thế giới, hình thức trang trại gia đình chiếm tới 80-90% tổng số trang trại. Nước Mỹ có nền nông nghiệp được công nghiệp hoá và hiện đại hóa đạt trình độ cao của thế giới. Lực lượng sản xuất chủ yếu sản xuất ra nông sản hàng hóa nhiều nhất thế giới là các trang trại nông nghiệp mà trên 90% là trang trại gia đình, chủ gia đình là chủ trang trại, vừa là người điều hành sản xuất kinh doanh vừa là lao động chính trong sản xuất. Chỉ có khoảng 25-30% trang trại phải thuê 1-3 lao động thời vụ hoặc thường xuyên. Đến nay, các trang trại nông nghiệp Mỹ đã đạt năng suất cây trồng, vật nuôi và đặc biệt năng suất lao động vào loại cao nhất thế giới. Mỗi lao động nông nghiệp Mỹ làm ra sản phẩm đủ nhu cầu cho 85 người trong xã hội⁽²⁾. Ở Việt Nam, trang trại được hình thành chủ yếu cũng từ sự phát triển của kinh tế hộ gia đình. Bởi vì, hầu hết chủ trang trại đều là người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất - kinh doanh, lao động chủ yếu là người trong gia đình. Quá trình tích tụ và tập trung đất đai để hình thành trang trại không phải do tước đoạt và mua bán đất đai, mà chủ yếu thông qua sự điều tiết bằng giao quyền sử dụng đất, giao khoán đất đầu thầu, cho thuê..., đất đai thường là gò đồi, cồn bãi và các đầm phá hoang hóa⁽³⁾.

Trang trại và kinh tế trang trại là hai thuật ngữ có nội hàm khác nhau. *Kinh tế trang trại* là tổng thể các yếu tố vật chất của sản xuất và các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình tồn tại và hoạt động của trang trại. Còn *trang trại* là nơi kết hợp các yếu tố vật chất của sản xuất và là chủ thể của các quan hệ kinh tế đó. Như vậy nói kinh tế trang trại là nói mặt kinh tế của trang trại. Ngoài mặt kinh tế, còn có thể nhìn nhận trang trại từ mặt xã hội và mặt môi trường⁽⁴⁾.

Về mặt kinh tế, do mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa nên trang trại được tiến hành có kế hoạch, theo yêu cầu của thị trường, có khả năng khai thác tốt các yếu tố của sản xuất như đất đai, lao động, tiền vốn và quan tâm đến áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật và công nghệ; đồng thời luôn cải tiến, đổi mới tổ chức và quản lý sản xuất, hạch toán kinh doanh, nâng cao trình độ chuyên môn hóa kết hợp với sản xuất tổng hợp để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Bởi vậy, phát triển kinh tế trang trại là góp phần phân công lại lao động, khắc phục tình trạng ruộng đất manh mún, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp nói riêng, nền kinh tế nói chung.

Về mặt xã hội, trang trại là một tổ chức kinh tế cơ sở của xã hội, trong đó diễn ra các quan hệ xã hội đan xen nhau như quan hệ giữa các thành viên của trang trại với nhau, quan hệ giữa chủ trang trại với những người lao động thuê ngoài, quan hệ giữa những người lao động với nhau... Sự phát triển của trang trại là tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người lao động trong và ngoài trang trại, góp phần xoá đói, giảm nghèo trong nông nghiệp, nông thôn.

Về mặt môi trường, do sản xuất vì lợi ích thiết thực trước mắt cũng như lâu dài nên chủ trang trại luôn có ý thức khai thác hợp lý và quan tâm bảo vệ các yếu tố sản xuất, trong đó đáng chú ý là tài nguyên đất đai, nguồn nước (ở miền núi, trung du là rừng), tài nguyên khí hậu, môi trường sinh thái nhằm bảo đảm phát triển bền vững trang trại và các vùng xung quanh.

Xét trên cả 3 phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường, thì có thể nói, trang trại là hình thức tổ chức sản xuất có nhiều ưu việt so với kinh tế nông hộ. Những ưu việt của trang trại được biểu hiện cụ thể và dễ nhận biết nhất là mặt kinh tế. Cho nên trong thực tiễn người ta thường dùng thuật ngữ *kinh tế trang trại* hơn là thuật ngữ trang trại. Kinh tế nông hộ muốn tiến lên kinh tế trang trại phải phá vỡ vỏ bọc tự cấp tự túc vốn có của kinh tế tiểu nông để đi vào sản xuất hàng hóa, các nông hộ phải tích tụ và tập trung sản xuất hàng hóa, mở rộng quy mô đất đai, tiền vốn, tư liệu sản xuất và lao động, thay đổi kỹ thuật và tổ chức sản xuất, tạo nên quy mô sản xuất lớn hơn với trình độ sản xuất cao hơn kinh tế hộ⁽⁵⁾.

Với mục đích hoạt động của trang trại là sản xuất nông sản hàng hóa nên việc quản lý hoạt động kinh doanh của trang trại, phải *quản lý như một doanh nghiệp*. Vì vậy, chủ trang trại đòi hỏi phải có trình độ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh để đảm bảo trang trại hoạt động có hiệu quả. Ở nhiều nước công nghiệp phát triển, muốn được Nhà nước công nhận trình độ quản lý và có tư cách pháp nhân, chủ trang trại phải có bằng tốt nghiệp các trường kỹ thuật và quản lý nông nghiệp, đồng thời có kinh nghiệm kinh doanh 1 năm ở các trang trại khác.

Đối với nước ta, đường lối đổi mới kinh tế đúng đắn đã được Đảng ta đề ra từ Đại hội VI, được Đại hội VII khẳng định, Đại hội VIII và IX đi sâu và phát triển thêm trong đó có chủ trương chính sách phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, nông thôn rất sớm. Nghị quyết đại hội IX nêu rõ “*Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, các thành phần kinh tế kinh doanh theo kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân*”. Kinh tế cá thể, tiểu chủ được “*Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển*”, kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển rộng rãi “*trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm*”. Đặc biệt nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 5 (Khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, *khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân càng mở ra những điều kiện, cơ hội cho kinh tế trang trại phát triển và mở rộng qui mô trên các vùng lãnh thổ của nước ta*. Như vậy về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc phát triển nông nghiệp, nông thôn trong đó có trang trại đã trở thành tác nhân, cơ sở pháp lý và tạo những điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại phát triển từ lâu. Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa VIII) ghi rõ “*Kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (Nhà nước, tập thể, tư nhân) được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất; khuyến khích khai phá đất hoang vào mục đích này*”⁽⁶⁾. Nghị quyết 06-NQ/TW

ngày 10/11/1998 của Bộ Chính trị (Khoá VIII) về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn cũng ghi rõ “ở nông thôn hiện nay đang phát triển mô hình trang trại nông nghiệp, phổ biến là các trang trại gia đình, thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hóa với quy mô lớn hơn, sử dụng lao động, tiền vốn của gia đình là chủ yếu để sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Một bộ phận trang trại ngoài lao động của gia đình có thuê thêm lao động để sản xuất kinh doanh, quy mô diện tích đất canh tác xoay quanh mức hạn điền ở từng vùng theo quy định của pháp luật... Nhà nước có chính sách khuyến khích phát triển hình thức trang trại gia đình như các loại hình sản xuất khác của kinh tế hộ gia đình. Đặc biệt khuyến khích các hộ nông dân, các trang trại gia đình và các thành phần kinh tế khác liên kết với nhau thành các tổ chức, các hình thức kinh tế hợp tác”.

Thực tế những năm gần đây, nhất là sau khi có Nghị quyết 03/2000/NQ-CP của Chính phủ, sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp theo mô hình kinh tế trang trại được nhân rộng trên nhiều vùng ở nước ta. Rất nhiều hộ nông dân có ý thức bắt đầu, muốn vươn lên làm giàu bằng con đường nông nghiệp, đã đầu tư vốn, kỹ thuật, năng lực quản lý, học hỏi kinh nghiệm thực tiễn và trực tiếp lao động hoặc thuê thêm lao động để kinh doanh trang trại đạt năng suất, hiệu quả cao. Phải thừa nhận rằng, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, kinh tế trang trại đang phát triển với tốc độ nhanh và đa dạng, nhất là các vùng còn nhiều khả năng khai khẩn đất hoang, đồi núi trọc, bãi bồi ven sông, ven biển. Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 03 của Chính phủ, phần lớn những trang trại trồng cây lâu năm và các trang trại lâm nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển thường có sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động chăn nuôi và trồng trọt xen canh các loại cây nông nghiệp ngắn ngày. Trong các trang trại cây lâu năm, ngoài diện tích cây trồng chính còn có một phần cây hàng năm và số lượng gia súc đáng kể. Ở những vùng không có điều kiện phát triển sản xuất theo hướng thâm canh, đã phát triển loại hình trang trại sản xuất kinh doanh tổng hợp, hiện đang chiếm 9,3% tổng số trang trại cả nước, kinh tế trang trại đã thu hút được một khối lượng lớn tiền vốn, lực lượng lao động, góp phần đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Kinh tế trang trại cũng tạo cơ hội cho việc hợp tác kinh tế giữa các trang trại với các hợp tác xã và các doanh nghiệp được phát triển ngày càng bền vững hơn. Ở một số tỉnh, chủ trang trại chăn nuôi bò, dê, cừu đã tạo điều kiện về vốn, giống, giúp người lao động làm thuê có được một số gia súc góp vào chăn thả chung và được phân phối theo tỷ lệ số đầu gia súc góp với chủ trang trại. Cách làm này đã kích thích tính tích cực và trách nhiệm của người lao động. Một số tỉnh duyên hải Miền Trung, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, các chủ trang trại đã hợp tác với nhau để tiêu thụ sản phẩm với giá có lợi. Tỉnh Phú Yên, các chủ trang trại nhận trông rừng theo Dự án PAM đã cùng nhau góp vốn mua máy cày để khai hoang, làm đường giao thông, giúp nhau lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp⁽⁷⁾. Sự phát triển của kinh tế trang trại đã dẫn đến hình thành các câu lạc bộ trang trại. Ở tỉnh Bình Dương đến nay có 18 câu lạc bộ trang trại với 195 hội viên, các hội viên đã trao đổi, giúp nhau về kiến thức, thông tin khoa học - kỹ thuật, thị trường, kinh nghiệm sản xuất, cùng nhau tìm đầu ra cho sản xuất và hỗ trợ nhau về vốn khi gặp khó khăn. Câu lạc bộ trang trại Việt Nam có gần 500 hội viên,

vừa qua đã cùng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam ký kết văn bản thoả thuận nguyên tắc về việc đảm bảo cho các chủ trang trại vay vốn để sản xuất kinh doanh thuận tiện và kịp thời⁽⁸⁾. Tính đến hết năm 2003, theo thống kê chưa đầy đủ, cả nước ta có 71.914 trang trại, tăng 16.060 trang trại so với năm 2000 (theo tiêu chí mới về trang trại quy định tại Thông tư số 69/2000/TTLT/BNN-TCTK do liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê ban hành ngày 23/6/2000 và Thông tư số 74/TT/BNN ngày 4/7/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 69). Các trang trại đã khai thác, sử dụng 407.702 ha đất và mặt nước chưa sử dụng trước đó, đầu tư một phần vốn là 10.803 tỷ đồng (không kể giá trị quyền sử dụng đất), giải quyết công ăn việc làm cho 358.403 lao động, tạo ra một giá trị dịch vụ hàng hóa là 7.075 tỷ đồng⁽⁹⁾.

Sự phát triển về số lượng và chất lượng của hệ thống trang trại ở nước ta thời gian qua cũng có những biến đổi đáng lưu ý. Nếu như đầu năm 2003, số lượng trang trại cả nước chỉ đạt 52.554 trang trại, phân bố tập trung ở vùng đồng bằng sông Cửu Long chiếm tới 36,1%, rồi đến vùng Đông Nam Bộ 24,6%, Tây Nguyên 12,6%, Miền núi phía Bắc 7,9%, Bắc Trung Bộ 7,2%, duyên hải Trung Bộ 6,9%, đồng bằng sông Hồng 4,7%⁽¹⁰⁾, thì cuối năm 2003, số trang trại cả nước tăng lên 27%, đạt số lượng như nói ở trên (71.914 trang trại) và có sự thay đổi về phân bố giữa các vùng trong cả nước. Đồng bằng sông Cửu Long có 31.190 trang trại, vẫn chiếm 31%, vùng Đông Nam Bộ: 12.705 trang trại, chiếm 21%, đồng bằng sông Hồng tăng lên, chiếm 12% số trang trại cả nước. Hình thức tổ chức trang trại cũng khá đa dạng, phong phú cả về trồng trọt và chăn nuôi, cả sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Nhưng loại hình trang trại chăn nuôi, nhất là nuôi trồng thủy sản và kinh doanh tổng hợp có xu hướng phát triển nhiều hơn so với các loại hình trang trại khác, trong khi tỷ trọng trang trại về trồng trọt cây hàng năm và cây lâu năm có xu hướng giảm dần. Nếu như năm 2001, số trang trại trồng cây hàng năm chiếm 35,9% tổng số trang trại thì năm 2003, con số này chỉ còn 23%. Tương tự như vậy, trang trại nuôi trồng thủy sản từ 27,9% năm 2000 tăng lên 31,38%⁽¹¹⁾. Về quy mô đất đai của trang trại cũng biến đổi, đa dạng khác nhau. Loại nhỏ từ 1-5ha, loại lớn từ 300-500ha, cá biệt có trang trại từ 1000 đến 2000ha. Các tỉnh Miền núi phía Bắc vốn phát triển các loại hình trang trại khá sớm, trước năm 2000, theo tiêu chí phân loại cũ, cả nước có 113.000 trang trại, trong đó các tỉnh Miền núi phía bắc có tới 38.000 trang trại, chiếm 34% trang trại cả nước, trong đó nhiều nhất là tỉnh Yên Bái 12.000 trang trại. Song quy mô đất đai của trang trại chủ yếu là nhỏ, phần lớn trang trại dưới 5ha (chiếm 75,6%), trong đó tiểu vùng Đông Bắc trang trại dưới 5 ha chiếm tới 84,9% mà chủ yếu sản xuất cây hàng năm và kinh doanh tổng hợp là chính. Các trang trại quy mô 20-30ha chỉ chiếm khoảng 4-5%, trong đó trang trại quy mô lớn hơn 30ha chỉ chiếm dưới 1% mà chủ yếu sản xuất cây lâu năm và trồng rừng⁽¹²⁾. Trong khí đó ở Nam Bộ, nơi có quỹ đất nông nghiệp khá lớn, một hộ ở đây có quy mô diện tích lớn gấp 5-6 lần so với bình quân chung cả nước. Khu vực Nam Bộ là nơi trang trại phát triển nhanh mà tập trung nhiều trang trại lớn. Chỉ tính ở hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, mỗi tỉnh có hơn 2000 trang trại chuyên trồng rừng, cây công nghiệp dài

ngày (cà phê, cao su, điều, tiêu) kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến. Ở Long An có trang trại canh tác tới 120ha lúa do khai phá đầm lầy, đất ngập úng quanh năm hoang hóa, cá biệt có trang trại trồng tới 2000ha cây công nghiệp và cây ăn trái. Ở Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích đất nông nghiệp ít, lại bị thu hẹp dần do quá trình đô thị hóa nhanh, nhưng các huyện, quận vùng ven như Củ Chi, Thủ Đức, Cần Giuộc, quận 12... cũng đã hình thành hơn 300 trang trại trồng rau, cây cảnh, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình V.A. C và chăn nuôi chế biến dịch vụ⁽¹³⁾.

Nhờ trang trại phát triển đã góp phần *đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa*. Về mặt giá trị, sản phẩm hàng hóa từ kinh tế trang trại tạo ra lớn gấp nhiều lần so với kinh tế hộ gia đình. Tính đến năm 2003, tổng giá trị hàng hóa dịch vụ của kinh tế trang trại làm ra là 7.075 tỷ đồng (bình quân một trang trại tạo ra giá trị sản xuất hàng hóa là 98 triệu đồng, tăng 6 đến 8 lần so với bình quân một hộ nông nghiệp). Loại hình trang trại làm ra giá trị hàng hóa cao nhất là nuôi trồng thủy sản (bình quân từ 120 đến 150 triệu đồng/trang trại)⁽¹⁴⁾, Kinh tế trang trại phát triển tạo ra một khối lượng hàng hóa lớn đã tác động mạnh mẽ vào sự phát triển công nghiệp chế biến. Từ năm 2000 đến nay, ở khắp các địa phương trong cả nước đã hình thành rất nhiều cơ sở chế biến, bảo quản và sản xuất nhiều sản phẩm từ nông sản với quy mô khác nhau. Các cơ sở này không chỉ là sơ chế, bảo quản thóc gạo, hoa màu mà còn sản xuất ra các mặt hàng mới phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Điều quan trọng nữa là nhờ phát triển kinh tế trang trại, hàng nghìn ha đất đai, vì nhiều lý do khác nhau lâu nay bị bỏ hoang nay đã được phục hồi đưa vào sử dụng có hiệu quả. Cũng nhờ sự phát triển trang trại cùng với doanh nghiệp ở nông thôn ở nước ta đã giúp cho hàng triệu người lao động có việc làm, sản xuất ra một khối lượng nông sản phẩm rất lớn, mà từ đây, tạo ra sự biến đổi sâu sắc cơ cấu kinh tế nông thôn, về đời sống của nông dân, góp phần không nhỏ vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo⁽¹⁵⁾, góp phần tích cực vào công tác xã hội như xây dựng trường học, nhà tình nghĩa, bệnh xá, xoá nhà tạm, hỗ trợ trẻ em mồ côi, những đối tượng khó khăn trong cuộc sống.

Rõ ràng phát triển kinh tế trang trại và doanh nghiệp ở nông thôn đã chứng minh trên thực tế đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần hoàn toàn đúng đắn, hợp quy luật. Kinh tế trang trại ngày càng tỏ rõ sự vượt trội, những ưu thế về nhiều mặt so với kinh tế hộ gia đình trên các phương diện khai thác tiềm năng đất đai, huy động vốn đầu tư trong dân, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và hình thành các vùng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Kinh tế trang trại phát triển mạnh mẽ càng đẩy nhanh quá trình phân công lại lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới, văn minh, hiện đại.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ TRANG TRẠI Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HOÁ

Hiện nay, trang trại ở nước ta đã được hình thành và phát triển mạnh trên nhiều vùng, từ vùng trung du, miền núi đến vùng đồng bằng, ven biển. Quá trình hình thành và phát triển trang trại ở nước ta thời gian qua đã và đang khẳng định loại hình tổ chức sản xuất này hoàn toàn phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn mà mục tiêu nhằm đạt tới như Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 5 (Khóa IX) đã xác định: “*Xây dựng một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, bền vững*”.

Tuy nhiên, quá trình phát triển trang trại đã và đang xuất hiện những khó khăn vướng mắc. Đó là vấn đề giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trang trại tiến hành còn quá chậm. Hiện tại còn tới 55% trong tổng số các trang trại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chính sách đất đai còn nhiều bất cập, đặc biệt là chính sách sử dụng đất đai vượt hạn điền chưa thống nhất, không khuyến khích được các chủ trang trại tập trung đất đai để mở rộng quy mô kinh tế trang trại. Thị trường đầu ra cho sản phẩm hàng hóa nông sản còn gặp nhiều khó khăn, hầu hết các trang trại đều phải tự mình tìm kiếm thị trường mà chưa có sự hỗ trợ đáng kể từ phía Nhà nước⁽¹⁶⁾. Các chính sách đầu tư, cho vay vốn, sản xuất đối với trang trại đang đặt ra yêu cầu mới nhưng Nhà nước mới chỉ giải quyết được một phần. Ô nhiễm môi trường cũng là một vấn đề bức xúc, khó giải quyết đối với nhiều trang trại, nhất là các trang trại chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Nguyên nhân chính dẫn đến môi trường bị ô nhiễm và cạn kiệt nguồn tài nguyên như hiện nay là do sự nhận thức không đầy đủ của các chủ trang trại về phát triển bền vững. Mặt khác, một số trang trại hình thành và phát triển mang tính tự phát, chưa theo quy hoạch, không có các báo cáo đánh giá tác động môi trường và quan trọng hơn là các chủ trang trại chưa hình dung được tác hại tiềm ẩn của việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên và hậu quả to lớn do ô nhiễm môi trường gây ra cho quá trình hoạt động sản xuất và sức khỏe của cộng đồng⁽¹⁷⁾. Giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc đang nảy sinh nói trên trong hoạt động kinh doanh của trang trại, tức là tìm ra giải pháp hữu hiệu để phát triển bền vững kinh tế trang trại ở nước ta trong giai đoạn mới, giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững tổ chức tại cộng hòa Nam Phi năm 2002 đã xác định: *phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên)*. Tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững là sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai

thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống⁽¹⁸⁾.

Căn cứ vào thực trạng phát triển kinh tế trang trại hiện nay, xuất phát từ yêu cầu của phát triển bền vững nêu trên, các giải pháp chủ yếu để phát triển bền vững kinh tế trang trại ở nước ta trong giai đoạn mới, giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa là:

Thứ nhất, tiến hành quy hoạch các vùng sản xuất tập trung chuyên môn hóa và xây dựng mô hình kinh tế trang trại nông, lâm, thủy sản với các tiêu chí về đất đai, vốn, lao động, trình độ canh tác và quản lý phù hợp với đặc điểm tự nhiên, môi trường sinh thái, tập quán sản xuất, tâm lý xã hội và lợi thế kinh tế của từng vùng. Trên cơ sở đó Nhà nước có chính sách giải quyết các vấn đề hạn điền, cho thuê lao động, bảo vệ môi trường... là những vấn đề bức xúc của đời sống trang trại đang đặt ra hiện nay. Việc quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và xây dựng mô hình trang trại phải đặt trong khuôn khổ của chiến lược phát triển tổng thể kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Từ đó hình thành đồng bộ cơ chế và chính sách phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững kinh tế trang trại ở nước ta trong giai đoạn mới.

Thứ hai, kinh tế trang trại là một ngành sản xuất gắn chặt với cây trồng, vật nuôi, phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm tự nhiên, nhất là thời tiết và khí hậu; quá trình sản xuất có tính chu kỳ, sản phẩm tiêu thụ có tính thời vụ; nhu cầu vốn kinh doanh lớn, thời gian hoàn vốn dài, tính rủi ro cao, lợi nhuận thấp. Bởi vậy Nhà nước cần có chính sách đầu tư, cho vay ưu đãi, phù hợp với hoạt động kinh doanh của từng loại hình kinh tế trang trại. Thực tế hiện nay có tới 90% số trang trại đang thiếu vốn sản xuất; mở rộng quy mô. Trong tổng số vốn đầu tư của trang trại, vốn tự có chiếm tới 85%, phần tham gia của ngân hàng nhà nước còn rất thấp, mới đạt 13%⁽¹⁹⁾. Để thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển cần phải có sự chủ động tích cực của ngân hàng. Sự ra đời của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với Chính phủ về sửa đổi bổ sung cơ chế đảm bảo tiền vay của các tổ chức tín dụng đã tạo hành lang pháp lý thông thoáng trong việc tạo quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động tín dụng, đó cũng là cơ sở để sửa đổi bổ sung Quyết định 423/2000/QĐ-NHNN về chính sách tín dụng đối với kinh tế trang trại cho phù hợp với sự phát triển mới của loại hình kinh tế này. Theo đó thì mức tín chấp đối với trang trại thông thường là 20 triệu, mức tín chấp đối với trang trại sản xuất giống thủy sản là 50 triệu; bên cạnh đó các thủ tục vay vốn cũng cần được cải tiến để tạo điều kiện cho các chủ trang trại tiếp cận được nguồn vốn của ngân hàng. Trong kinh tế trang trại có đặc thù về chủ trang trại thường là thuê đất, trong khi đó ngân hàng chỉ cho vay vốn khi khách hàng vay có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hiện tại chỉ có khoảng 50% tổng số trang trại được cấp chủ quyền sử dụng đất). Điều này được tháo gỡ sẽ tạo nên lối ra mới cho vốn trung, dài hạn của ngân hàng, nó sẽ đáp ứng đòi hỏi rất cấp thiết hiện nay của kinh tế trang trại trong quá trình phát triển⁽²⁰⁾.

Thứ ba, tạo lập đồng bộ cơ chế, chính sách và giải pháp về đất đai và lao động cho kinh tế trang trại phát triển, đó là:

- Mở rộng hạn điền và quy định hạn điền cho từng vùng kinh tế, từng loại hình kinh doanh; kéo dài thời gian thuê đất và mặt nước để nuôi trồng thủy sản (hiện nay nhiều nơi chỉ cho chủ trang trại đầu thầu đất, mặt nước từ 3 đến 5 năm, sau đó đầu thầu lại làm cho chủ trang trại không yên tâm đầu tư phát triển).

- Tạo điều kiện pháp lý cho chủ trang trại được huy động quỹ đất canh tác và mặt nước để mở rộng quy mô sản xuất dưới các hình thức sau:

+ Góp cổ phần bằng giá trị sử dụng đất, mặt nước để cùng sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô trang trại. Ngoài góp cổ phần có thể tham gia lao động và quản lý. Nếu chỉ góp đất, mặt nước thì chỉ được hưởng cổ tức của giá trị diện tích đã góp.

+ Nhượng quyền sử dụng đất, mặt nước cho chủ trang trại với thời gian từ 5 năm trở lên và chủ trang trại phải có trách nhiệm thu hút lao động của người cho thuê đất (nhiều người nông dân có lao động nhưng không hiểu biết quản lý, nếu họ nhượng quyền sử dụng đất và được tham gia lao động thì họ vừa có tiền cho thuê đất, vừa nhận tiền công lao động sẽ tốt hơn nếu họ sản xuất không có hiệu quả).

- Được thuê lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của trang trại dưới hình thức ký hợp đồng lao động lâu dài hoặc hợp đồng thời vụ theo luật lao động.

- Được vay vốn với lãi suất ưu đãi, thời gian vay theo chu kỳ sản xuất của từng loại sản phẩm, giảm bớt phiền hà trong các thủ tục vay và coi đất đai là tài sản thế chấp; các dự án phát triển của trang trại được ngân hàng thẩm định là căn cứ để quyết định cho trang trại vay vốn.

- Có chính sách hỗ trợ chủ trang trại về thông tin thị trường nông sản trong và ngoài nước, chính sách đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật, quản lý⁽²¹⁾.

Thực tiễn ở Trà Vinh đã *ban hành quy định về việc thực hiện một số chính sách ưu đãi đầu tư về đất đai, tín dụng, miễn giảm thuế thu nhập, thuế sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các ưu đãi khác*⁽²²⁾ đối với kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh (năm 2001) và được sửa đổi bổ sung năm 2002 đã đem lại những chuyển biến tích cực. Năm 2003 Trà Vinh mới có 478 trang trại, đến tháng 6/2004 đã tăng lên 2589 trang trại, trong đó sản xuất nông nghiệp là 875 trang trại (chiếm 33,79%), dân tộc Chăm có 201 trang trại (chiếm 7,76%), số còn lại là trang trại nuôi trồng thủy sản. Vốn đầu tư mỗi trang trại đạt 405,75 triệu đồng. Hiệu quả hoạt động của các trang trại khá tốt: có 32,8% số trang trại đạt mức lãi trên 50 triệu đồng/năm; 59,31% số trang trại đạt mức lãi dưới 50 triệu đồng/năm, chỉ có 7,88% số trang trại kinh doanh không có lãi⁽²³⁾.

Thứ tư, đẩy mạnh sự hợp tác sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp nói chung, trang trại nói riêng để đem lại năng suất và hiệu quả cao là yêu cầu cần thiết. Thực tế ở nông thôn đã hình thành những chủ trang trại, những hộ sản xuất cá thể, những xã viên kiểu mới của các hợp tác xã kiểu mới có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường, tham gia tích cực vào công cuộc phát triển đất nước theo đường lối đổi mới. Đã hình thành các quan hệ hộ - hợp tác xã, hộ - doanh nghiệp tư nhân, hộ - doanh nghiệp nhà nước, hộ - trang trại⁽²⁴⁾ trong hợp

tác sản xuất từ các khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, cho đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Quá trình chuyên môn hóa sản xuất ở trình độ cao càng đòi hỏi nhu cầu hợp tác nói trên cao hơn. Việc hợp tác 4 nhà (nhà nông, nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học) xuất hiện ngày càng nhiều trong những năm gần đây đã chứng minh cho nhu cầu hợp tác tất yếu đó. Hội nông dân Việt Nam, người đại diện cho lợi ích chính đáng của giai cấp nông dân (có thể hiểu là người đại diện cho “nhà nông” trong quan hệ 4 nhà) đã, đang và sẽ vận động nông dân tốt nhất thì đưa lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, khuyến khích hộ gia đình phát triển thành trang trại hoặc doanh nghiệp. Mặt khác còn động viên các chủ trang trại, doanh nghiệp liên kết chặt chẽ với kinh tế hộ, kinh tế hợp tác và các thành phần kinh tế khác. Với vai trò trung tâm, Hội có thể tổ chức tốt việc phối hợp với các ban, ngành chức năng như Cục Khuyến nông, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội, các công ty sản xuất phân bón, các công ty thuộc Bộ Thương mại... để tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác, thế chấp cho nông dân vay vốn, hoặc các doanh nghiệp bán vật tư trả chậm, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân... tạo điều kiện cho nông dân phát triển sản xuất⁽²⁵⁾.

Thứ năm, xây dựng chính sách bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế trang trại ở từng vùng, thời gian qua, trang trại đã được coi là mô hình kinh tế hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, khuyến khích các hộ gia đình và các thành phần kinh tế khác đầu tư nhằm tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu nông sản trên thị trường khu vực và thế giới. Ngoài yếu tố tăng năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, vấn đề sản xuất sạch hơn, giảm thiểu dư lượng các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật... ảnh hưởng đến sức khỏe con người và tác động đến môi trường sống đang là vấn đề lớn, bức xúc đang được đặt ra. Hiện nay, các thị trường tiêu dùng cao cấp như Mỹ, Nhật Bản, EU... vấn đề thực phẩm có chứa các chất ảnh hưởng đến sức khỏe đã bị cấm đến mức tối đa. Một bài học nhãn tiền là dư lượng thuốc kháng sinh trong thủy sản, dư lượng thuốc trừ sâu trong rau, quả của Việt Nam đã làm mất nhiều thị trường tiềm năng ở EU và Nhật Bản⁽²⁶⁾. Vì vậy, phải có chính sách sản xuất nông nghiệp sạch hơn trong các trang trại ở nước ta là vô cùng cấp thiết.

Để sản phẩm nông sản nước ta đạt chất lượng và có sức cạnh tranh cao ở trong nước và thị trường thế giới, cần xây dựng một cơ chế quản lý, bảo vệ môi trường trong sản xuất và chế biến, từng bước thực hiện mục tiêu xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường đi đôi với thực hiện công nghệ *sản xuất sạch hơn* ở các trang trại. Trước mắt, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Ban hành một thông tư liên bộ về công tác quản lý và bảo vệ môi trường với các chỉ tiêu bắt buộc thực hiện phát triển bền vững (kiểm định chất lượng, nhãn môi trường, thương hiệu xanh...) và yêu cầu báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm; xây dựng các trạm quan trắc kiểm soát ô nhiễm để phát hiện và có biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng một chiến lược quản lý và bảo vệ môi trường đi đôi với xây dựng quy hoạch môi trường của từng trang trại được xem như một công cụ quan

trọng mang tính phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường. Công tác bảo vệ môi trường trước đây chưa được coi là một điều kiện bắt buộc trong quy hoạch, thì nay, các mục tiêu phấn đấu phải đánh giá được những tác động và thiệt hại của việc ô nhiễm môi trường. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010 của nước ta được Đại hội IX của Đảng thông qua đã khẳng định phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động đưa yêu cầu môi trường vào trong mỗi quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Không hy sinh nền tảng tự nhiên cơ bản của đời sống xã hội và môi trường thiên nhiên để đổi lấy tốc độ tăng trưởng kinh tế. Mục tiêu quy hoạch môi trường phải gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đất đai của vùng, khu vực, địa phương. Các trang trại cần quy hoạch tập trung, xa khu vực dân cư để thực hiện các biện pháp phòng ngừa và cải thiện môi trường một cách tập trung và hiệu quả.

- Giáo dục môi trường ở các trang trại là yêu cầu cần thiết, phải có sự tham gia tích cực của các cấp chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội, tiến tới mục tiêu xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Cần phải đưa vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vào các nội dung học tập, sinh hoạt cộng đồng, hệ thống giáo dục, tài liệu khuyến nông, tổ chức các lớp tập huấn thường xuyên, các chương trình tham quan, học tập các mô hình sản xuất trang trại xanh và sạch, đạt tiêu chí trang trại phát triển bền vững...

- Phòng ngừa và giảm thiểu chất thải ở các trang trại có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường. Khuyến khích trang trại xây dựng hệ thống thu gom chất thải rắn, xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi xả thải ra ngoài môi trường; xử lý ô nhiễm các khu vực chứa chất thải, các nguồn nước bị gây ô nhiễm trước đó. Ngoài ra, cần có các chế tài xử phạt các hành vi gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, phá vỡ cân bằng sinh thái.

Phát triển bền vững kinh tế trang trại không chỉ tự thân các trang trại làm được mà phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ của nhiều ngành, nhiều cấp và của cả mọi người trong toàn xã hội và trên cơ sở thực hiện tốt nhất hệ thống đồng bộ cơ chế, chính sách và giải pháp nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho hiện tại và giữ lại cho mai sau một nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc và một môi trường thiên nhiên thân thiện và bền vững.

Chú thích

1. Xem: PGS. TS. Trần Văn Chừ: *Kinh tế trang trại, những vấn đề đặt ra và các giải pháp khắc phục*. Tạp chí Kinh tế và phát triển, số 69/2003, trang 15.
2. Xem: TS. Nguyễn Điền. *Một số mô hình trang trại gia đình trong nông nghiệp Mỹ thời kỳ công nghiệp hóa*. Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 8/2002, trang 4.
3. Xem: Tài liệu đã dẫn (1), trang 15.
4. Xem: GS. TS. Nguyễn Đình Hương (chủ biên): *Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*. NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 16.
5. Tài liệu đã dẫn (4), trang 21, 22.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, trang 64.
7. Xem: Phan Tư: *Kinh tế trang trại: mô hình sản xuất hàng hoá quy mô lớn*. Tạp chí Thương mại số 3/2003, trang 5.
8. Xem: Phan Tư: *Kinh tế trang trại: mô hình sản xuất hàng hoá quy mô lớn*. Tạp chí Thương mại số 3/2003, trang 5.
9. Xem: Trịnh Xuân Bái: *Phát triển bền vững kinh tế trang trại - Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, kỳ 1, tháng 1/2005, trang 18, 19.
10. Xem: Đinh Văn Hải: *Phát triển kinh tế trang trại ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc*. Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 8/2003, trang 1037.
11. Xem: Minh Đức: *Mấy vấn đề về phát triển kinh tế trang trại và doanh nghiệp ở nông thôn nước ta hiện nay*. Tạp chí Nông thôn mới, số 144 + 145 + 146, kỳ 1 + 2 + 3, xuân 2005, trang 9.
12. Xem: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia – Viện Kinh tế học – TS. Nguyễn Đức Thịnh (chủ biên): *Kinh tế trang trại các tỉnh trung du, miền núi phía bắc*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 2000, trang 110, 111.
13. Xem: TS. Trương Thị Minh Sâm (chủ biên): *Kinh tế trang trại ở các tỉnh phía Nam - Một số vấn đề đặt ra*. NXB Khoa học Xã hội, 2000, trang 68, 69.
14. Tài liệu đã dẫn (11), trang 9.
15. Công tác giải quyết việc làm và xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt: từ năm 2000 đến năm 2005, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Công tác xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh và đạt kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống dưới 7% năm 2005. Còn chuẩn quốc tế (tính theo chuẩn 1 đô la/ngày/người), thì tỷ lệ nghèo chung đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 28,9% năm 2002; nếu tính theo chuẩn mới (2 đô la/ngày/người) thì hộ nghèo ở Việt Nam năm 2004 là 27,5%. Ngay từ năm 2002, Việt Nam đã được Liên hợp quốc đánh giá là “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015” (Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành trung ương, Ban chỉ đạo tổng kết lý luận: Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006), NXB Chính trị Quốc gia, 2005, trang 79, 80. Lưu hành nội bộ).
16. Xem tài liệu đã dẫn (9), trang 19.
17. Như trên.
18. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam), Hà Nội, 8/2004, trang 5 và 6.
19. Nguyễn Hoàng Xanh: *Các giải pháp để phát triển kinh tế trang trại*. Tạp chí Ngân hàng, số 8/2003, trang 24, 25.
20. Nguyễn Hoàng Xanh: *Các giải pháp để phát triển kinh tế trang trại*. Tạp chí Ngân hàng, số 8/2003, trang 24, 25.
21. Tài liệu đã dẫn (1), trang 22.
22. Bảo tiêu giá mua nông sản cao hơn thị trường và hỗ trợ về công cụ sản xuất đối với các sản phẩm giống cây trồng, các trang trại nuôi tôm; hỗ trợ tiền hoặc lãi suất tiền vay cho khâu giống con, giống cây, các loại thức ăn chăn nuôi và dịch vụ trong nuôi trồng ở các trang trại; hỗ trợ lãi suất tiền vay cho xây dựng cơ bản, xây dựng chuồng trại ban đầu (Nguyễn Thái Bình – Chính sách ưu đãi đầu tư đối với kinh tế trang trại ở Trà Vinh. Tạp chí Cộng sản số 1/2005, trang 49).
23. Xem Nguyễn Thái Bình: *Chính sách ưu đãi đầu tư đối với kinh tế trang trại ở tỉnh Trà Vinh*. Tạp chí Cộng sản, số 1/2005, trang 47, 49.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương, Ban chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới* (1986-2006), NXB Chính trị Quốc gia, 2005, trang 83 (lưu hành nội bộ).
25. Xem: Tài liệu đã dẫn (11), trang 10.
26. Xem: Tài liệu đã dẫn (9), trang 20.